

Số 9728/TTTr-UBND

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 9 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc trình phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm học 2022-2023; sự nghiệp y tế, văn hóa - thể thao và sự nghiệp khác năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2044-QĐ/BTCTW ngày 26/7/2023 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Khánh Hòa năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 940-QĐ/TU ngày 17/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức khối chính quyền địa phương năm 2023,

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VII, kỳ họp thứ 11 phê duyệt số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Khánh Hòa năm 2023 như sau:

I. SỐ GIAO

Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Khánh Hòa năm 2023 (bao gồm sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2022-2023 và sự nghiệp y tế, văn hóa – thể thao và sự nghiệp khác năm 2023) là **21.016 người**, giảm **107 người** so với số giao năm 2022 (đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo là năm học 2021-2022).

II. DỰ KIẾN PHÂN BỐ

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh kế hoạch phân bổ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm học 2022-2023 là **17.259 người**, giảm **12 người** so với số giao năm học 2021-2022 (chỉ tiêu tinh giản còn lại sẽ được phân bổ giảm đối với sự nghiệp y tế, văn hóa - thể thao và sự nghiệp khác), cụ thể như sau:

1. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo:

- Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang: 3.995 người;
- Ủy ban nhân dân thành phố Cam Ranh: 1.606 người;

- Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa:	2.735 người;
- Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh:	1.524 người;
- Ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh:	1.492 người;
- Ủy ban nhân dân huyện Cam Lâm:	1.366 người;
- Ủy ban nhân dân huyện Khánh Sơn :	597 người;
- Ủy ban nhân dân huyện Khánh Vĩnh:	871 người;
- Sở Giáo dục và Đào tạo:	2.275 người;
- Sở Lao động – Thương Binh và xã hội:	295 người;
- Trường Đại học Khánh Hòa:	275 người;
- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang:	134 người;
- Trường Cao đẳng Y tế:	94 người.

2. Sự nghiệp y tế, văn hóa - thể thao và sự nghiệp khác:

- Sự nghiệp y tế: Năm 2022 giao 2.579 người. Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp y tế năm 2023 đề nghị giao là 2.500 người, giảm 79 người so với năm 2022.

- Sự nghiệp văn hóa - thể thao: Giữ nguyên so với số giao năm 2022.

- Sự nghiệp khác: Năm 2022 giao 866 chỉ tiêu. Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp khác năm 2023 đề nghị giao là 850 người, giảm 16 người so với năm 2022.

Như vậy, tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp y tế, văn hóa - thể thao và sự nghiệp khác năm 2023 đề nghị giao là **3.757 người**, giảm 95 người so với năm 2022.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm học 2022-2023; sự nghiệp y tế, văn hóa - thể thao và sự nghiệp khác năm 2023./.

(Đính kèm các dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, SNV.

2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuấn
Nguyễn Tấn Tuấn

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2044-QĐ/BTCTW ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Khánh Hòa năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 940-QĐ/TU ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức khối chính quyền địa phương năm 2023;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số /UBND-TH ngày tháng năm 2023 và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là 17.259 người, cụ thể như sau:

- Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang: 3.995 người;
- Ủy ban nhân dân thành phố Cam Ranh: 1.606 người;

3. Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa:	2.735 người;
4. Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh:	1.524 người;
5. Ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh:	1.492 người;
6. Ủy ban nhân dân huyện Cam Lâm:	1.366 người;
7. Ủy ban nhân dân huyện Khánh Sơn :	597 người;
8. Ủy ban nhân dân huyện Khánh Vĩnh:	871 người;
9. Sở Giáo dục và Đào tạo:	2.275 người;
10. Sở Lao động – Thương Binh và xã hội:	295 người;
11. Trường Đại học Khánh Hòa:	275 người;
12. Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang:	134 người;
13. Trường Cao đẳng Y tế:	94 người.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này;
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày tháng năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy và các ban Đảng;
- VP. HĐND tỉnh; VP. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp y tế, văn hóa - thể thao, sự nghiệp khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2044-QĐ/BTCTW ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Khánh Hòa năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 940-QĐ/TU ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức khối chính quyền địa phương năm 2023;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số /UBND-TH ngày tháng năm 2023 và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp y tế, văn hóa - thể thao, sự nghiệp khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là 3.757 người, cụ thể như sau:

- Sự nghiệp y tế: 2.500 người.
- Sự nghiệp văn hóa – thể thao: 407 người.

3. Sự nghiệp khác: 850 người.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày tháng năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy và các ban Đảng;
- VP. HĐND tỉnh; VP. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, AT.

CHỦ TỊCH

Phụ lục 1

**DỰ KIẾN PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2023**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh)

Số TT	Loại hình, tên đơn vị	Mức độ tự chủ chi thường xuyên (%)	Số người làm việc được giao năm học 2020- 2021	Số người làm việc được giao năm học 2021- 2022			Số có mặt đến thời điểm 31/8/2023				ĐƠN VỊ TỰ ĐỀ XUẤT <i>(* phải tinh giản tối thiểu 10%)</i>			SNV THẨM ĐỊNH, ĐỀ XUẤT		Ghi chú
				Tổng số	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN của đơn vị	Tổng số	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN của đơn vị	LĐHD đối với VTVL là viên chức	2022- 2023	2025- 2026	Đạt tỷ lệ tinh giản so với năm 2021 (%)	Giao 2022-2023	Giảm so với số giao năm học 2021- 2022	
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo			17445	17353	17271	70	15771	14568	2	1201	17342	17238	1,2	17259	12	
1	Trường Đại học Khánh Hòa	58,6%	291	284	280	4	258	241	2	15	284	255	12,4	275	5	giảm 5 chỉ tiêu
2	Trường Cao đẳng Kỹ Thuật công nghệ Nha Trang	46,0%	140	186	135	51	161	134	0	27	135	125	10,7	134	1	giảm 1 chỉ tiêu do đã tuyển dụng hết
3	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa	45,0%	102	100	97	3	87	87	0	0	91	86	15,7	94	3	- Đơn vị đề xuất giảm 06 từ nguồn NSNN và tăng 16 từ NTSN --> SNV thống nhất đề xuất giảm 3 chỉ tiêu
4	Sở Giáo dục và Đào tạo		2262	2.275	2.275	0	2.130	2.090	0	40	2.275	2.206	2,5	2.275	0	không giảm
5	Sở Lao động- Thương binh và Xã hội	TCIP	317	322	298	12	295	289	0	6	298	285	10,1	295	3	giảm 03 chỉ tiêu
6	UBND thành phố Nha Trang		4027	3.995	3.995	0	3.486	3.131	0	355	3.994	3.918	2,7	3.995	0	
7	UBND thành phố Cam Ranh		1625	1.606	1.606	0	1.606	1.451	0	155	1.606	1.606	1,2	1.606	0	thống nhất với đề xuất năm 2023
8	UBND thị xã Ninh Hòa		2756	2.735	2.735	0	2.377	2.036	0	341	2.735	2.735	0,8	2.735	0	thống nhất với đề xuất năm 2023
9	UBND huyện Vạn Ninh		1560	1.524	1.524	0	1.487	1.362	0	125	1.524	1.650	-5,8	1.524	0	thống nhất với đề xuất năm 2023



Số TT	Loại hình, tên đơn vị	Mức độ tự chủ chi thường xuyên (%)	Số người làm việc được giao năm học 2020- 2021	Số người làm việc được giao năm học 2021- 2022			Số có mặt đến thời điểm 31/8/2023				ĐƠN VỊ TỰ ĐỀ XUẤT (* phải tinh giản tối thiểu 10%)			SNV THẨM ĐỊNH, ĐỀ XUẤT		Ghi chú
				Tổng số	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN của đơn vị	Tổng số	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN của đơn vị	LDHD đối với VTVL là viên chức	2022-2023	2025-2026	Đạt tỷ lệ tinh giản so với năm 2021 (%)	Giao 2022-2023	Giảm so với số giao năm học 2021-2022	
10	UBND huyện Diên Khánh		1517	1.492	1.492	0	1.287	1.276	0	11	1.492	1.492	1,6	1.492	0	thống nhất với đề xuất năm 2023
11	UBND huyện Cam Lâm		1373	1.366	1.366	0	1.232	1.201	0	31	1.438	1.398	-1,8	1.366	0	
12	UBND huyện Khánh Sơn		600	597	597	0	631	548	0	83	597	590	1,7	597	0	
13	UBND huyện Khánh Vĩnh		875	871	871	0	734	722	0	12	873	892	-1,9	871	0	

Phụ lục số 2

**DỰ KIẾN PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP Y TẾ, VĂN HÓA-THỂ THAO VÀ SỰ NGHIỆP KHÁC TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2023**
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh)

Số TT	Loại hình, tên đơn vị	Mức độ tự chủ thường xuyên (%)	Số người làm việc được giao năm 2022			Số có mặt đến thời điểm 31/8/2023				Định mức theo quy định của Bộ chuyên ngành	Đề xuất tinh giảm giai đoạn 2021-2026 (* phải tinh giảm tối thiểu 10%)					Đề xuất giao năm 2023 (NSNN)	Ghi chú
			Tổng số	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN của đơn vị	Tổng số	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN của đơn vị	LĐHD đối với VTVL là viên chức		2023	2024	2025	2026	Đạt tỷ lệ (tối thiểu 10%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng		4694	3852	842	4321	2990	513	818	4131	95	10	19	18	0	3757	
I	Y tế (Sở Y tế)		3331	2579	752	3279	2040	433	806	4131	79	0	0	0	0	2500	
1	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cam Ranh	84,36%	180	60	120	222	60	85	77	267	11	0	0	0		49	Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập
2	Bệnh viện Da liễu	69,34%	90	75	15	91	55	15	21	106	7	0	0	0		68	
3	Bệnh viện Chuyên khoa Lao và Bệnh phổi	59,57%	90	75	15	90	65	0	25	107	6	0	0	0		69	
4	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	81,55%	128	63	65	106	28	0	78	128	7	0	0	0		56	
5	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần	50,79%	112	47	65	95	33	52	10	122	5	0	0	0		42	
6	Bệnh viện Ung bướu	< 70%	180	110	70	161	79	0	82	232	9	0	0	0		101	
7	Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang	80%	170	100	70	128	22	77	29	226	0	0	0	0		100	
8	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	51,70%	129	114	15	135	97	15	23	156	5	0	0	0		109	
9	Trung tâm Kiểm nghiệm	34,56%	25	23	2	29	23	2	4	44	0	0	0	0		23	
10	Trung tâm Cấp cứu 115	16,60%	25	24	1	23	19	0	4	39	0	0	0	0		24	
11	Trung tâm Giám định Y khoa	39,47%	14	14	0	12	10	0	2	15	0	0	0	0		14	
12	Trung tâm Pháp y	29,44%	15	14	1	10	10	0	0	18	0	0	0	0		14	
13	Trung tâm Phục hồi chức năng- Giáo dục trẻ em khuyết tật	NSNN	32	32	0	27	22	0	5	32	0	0	0	0		32	
14	Trung tâm Y tế thành phố Nha Trang	80,55%	296	296	0	296	250	0	46	396	0	0	0	0		296	
15	Trung tâm Y tế thành phố Cam Ranh	38,85%	175	168	7	170	132	12	26	175	2	0	0	0		166	
16	Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa	80,06%	376	286	90	407	189	95	123	445	9	0	0	0		277	
17	Trung tâm Y tế huyện Diên Khánh	52,15%	340	260	80	354	215	80	59	487	6	0	0	0		254	
18	Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm	64,38%	272	220	52	248	220	0	28	304	6	0	0	0		214	
19	Trung tâm Y tế huyện Vạn Ninh	58,67%	295	238	57	316	224	0	92	352	6	0	0	0		232	
20	Trung tâm Y tế huyện Khánh Vĩnh	30,24%	229	209	20	208	165	0	43	276	0	0	0	0		209	
21	Trung tâm Y tế huyện Khánh Sơn	34,88%	158	151	7	151	122	0	29	204	0	0	0	0		151	
II	Văn hóa - thể thao		425	407	18	382	382	0	0	0	0	2	10	6	0	407	
I	Sở Văn hóa và Thể thao		263	245	18	235	235	0	0	0	0	1	10	6	0	245	
1,1	Bảo tàng tỉnh	34,23%	18	18	0	17	17	0	0	0	0	0	0	0		18	
1,2	Thư viện tỉnh	30-70%	22	22	0	21	21	0	0	0	0	0	0	0		22	
1,3	Đoàn Ca múa nhạc Hải Đăng	47,3%	35	35	0	35	35	0	0	0	0	0	0	2		35	

Số TT	Loại hình, tên đơn vị	Mức độ tự chủ chi thường xuyên (%)	Số người làm việc được giao năm 2022			Số có mặt đến thời điểm 31/8/2023				Định mức theo quy định của Bộ chuyên ngành	Đề xuất tinh giản giai đoạn 2021-2026 (* phải tinh giản tối thiểu 10%)					Đề xuất giao năm 2023 (NSNN)	Ghi chú
			Tổng số	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN của đơn vị	Tổng số	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN của đơn vị	LDHD đối với VTVL là viên chức		2023	2024	2025	2026	Đạt tỷ lệ (tối thiểu 10%)		
1,4	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh	NSNN	53	53	0	53	53	0	0		0	1	1	2		53	
1,5	Nhà hát Nghệ thuật truyền thống	NSNN	71	71	0	65	65	0	0		0	0	0	0		71	
1,6	Trung tâm Huấn luyện KT thể thao	NSNN	37	37	0	35	35	0	0		0	0	0	2		37	
1,7	Trung tâm Dịch vụ thi đấu thể thao	80%	27	9	18	9	9	0	0		0	0	9	0		9	
2	UBND cấp huyện		162	162	0	147	147	0	0	0	0	1	0	0	0	162	
2,1	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao TP Nha Trang	TCMP	25	25	0	22	22	0	0		0	0	0	0		25	
2,2	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao TP Cam Ranh	NSNN	15	15	0	9	9	0	0		0	0	0	0		15	
2,3	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao TX Ninh Hòa	TCMP	16	16	0	16	16	0	0		0	0	0	0		16	
2,4	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao H Diên Khánh	NSNN	15	15	0	14	14	0	0		0	0	0	0		15	
2,5	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao H Vạn Ninh	NSNN	17	17	0	17	17	0	0		0	1	0	0		17	
2,6	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao H Cam Lâm	NSNN	20	20	0	19	19	0	0		0	0	0	0		20	
2,7	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao H Khánh Vĩnh	NSNN	16	16	0	14	14	0	0		0	0	0	0		16	
2,8	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao H Khánh Sơn	NSNN	11	11	0	9	9	0	0		0	0	0	0		11	
2,9	Nhà Truyền thống H Trường Sa	NSNN	1	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0		1	
2.10	Nhà Thiếu nhi cấp huyện		26	26	0	26	26	0	0	0	0	0	0	0	0	26	
-	Cam Ranh	NSNN	5	5	0	5	5	0	0	0	0	0	0	0	0	5	
-	Ninh Hòa	NSNN	5	5	0	5	5	0	0	0	0	0	0	0	0	5	
-	Diên Khánh	NSNN	4	4	0	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	4	
-	Vạn Ninh	NSNN	4	4	0	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	4	
-	Cam Lâm	NSNN	4	4	0	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	4	
-	Khánh Vĩnh	NSNN	4	4	0	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	4	
III	Sự nghiệp khác		938	866	72	660	568	80	12	0	16	8	9	12	0	850	
*	Cấp tỉnh		666	624	42	575	487	80	8	0	8	8	9	11	0	616	
1	Sở Khoa học và Công nghệ		16	12	4	11	8	3	0	0	0	0	1	1	0	12	
-	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN	25%	16	12	4	11	8	3	0		0	0	1	1		12	
2	Sở Thông tin và Truyền thông		23	23	0	23	22	0	1	0	0	0	0	0	0	23	
2,1	Trung tâm CNTT và Dịch vụ Hành chính công trực tuyến	10-30%	16	16	0	16	15	0	1		0	0	0	0		16	

Số TT	Loại hình, tên đơn vị	Mức độ tự chủ thường xuyên (%)	Số người làm việc được giao năm 2022			Số có mặt đến thời điểm 31/8/2023				Định mức theo quy định của Bộ chuyên ngành	Đề xuất tinh giản giai đoạn 2021-2026 (* phải tinh giản tối thiểu 10%)					Đề xuất giao năm 2023 (NSNN)	Ghi chú
			Tổng số	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN của đơn vị	Tổng số	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN của đơn vị	LDHD đối với VTVL là viên chức		2023	2024	2025	2026	Đạt tỷ lệ (tối thiểu 10%)		
2,2	Trung tâm Công thông tin điện tử	10-30%	7	7	0	7	7	0	0		0	0	0	0		7	
3	Sở Tài nguyên và Môi trường		57	39	18	72	34	32	6	0	0	0	1	1	0	39	
3,1	Trung tâm Phát triển quỹ đất	37,09%	42	24	18	56	19	32	5		0	0	1	1		24	
3,2	Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và MT	NSNN	15	15	0	16	15	0	1		0	0	0	0		15	
4	Sở Tư pháp		24	24	0	19	19	0	0	0	0	0	0	1	0	24	
4,1	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	35%	8	8	0	7	7	0	0		0	0	0	1		8	
4,2	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	NSNN	16	16	0	12	12	0	0		0	0	0	0		16	
5	Sở Nội vụ		23	9	14	18	9	9	0	0	0	0	0	1	0	9	
-	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	70- 100%	23	9	14	18	9	9	0	0	0	0	0	1		9	
6	Sở Du lịch		15	15	0	12	12	0	0	0	0	0	0	0	0	15	
-	Trung tâm Thông tin Xúc tiến DL	NSNN	15	15	0	12	12	0	0		0	0	0	0		15	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư		9	9	0	8	8	0	0	0	0	0	0	0	0	9	
-	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	NSNN	9	9	0	8	8	0	0		0	0	0	0		9	
8	Sở Lao động - Thương binh và XH		143	140	3	108	106	1	1	0	0	0	0	0	0	140	
8,1	Cơ sở cai nghiện ma túy	NSNN	38	38	0	31	31	0	0		0	0	0			38	
8,2	Trung tâm Bảo trợ xã hội và Công tác xã hội tỉnh	NSNN	46	46	0	34	34	0	0		0	0	0			46	
8,3	Trung tâm BTXH chăm sóc và phục hồi chức năng người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí	NSNN	25	25	0	21	20	0	1		0	0	0			25	
8,4	Tổ quản lý nghĩa trang Hòn Dung	NSNN	1	1	0	1	1	0	0		0	0	0			1	
8,5	Trung tâm điều dưỡng và chăm sóc Người có công	48,80%	16	13	3	14	13	1	0		0	0	0			13	
8,6	Trung tâm dịch vụ việc làm	30-70%	17	17	0	7	7	0	0		0	0	0			17	
9	Sở Nông nghiệp và PTNT		299	297	2	253	237	16	0	0	8	8	7	7	0	289	Sở NNPTNT đề xuất
9,1	Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa	30%	64	62	2	65	49	16			2	2	2	2		60	
9,2	Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa	0	36	36		30	30				1	1	1	1		35	
9,3	Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà	0	30	30		28	28				1	1	0	0		29	
9,4	Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới	0	6	6		5	5				0	0	0	0		6	
9,5	Trung tâm Khuyến nông	<15%	56	56		44	44				2	2	1	1		54	
9,6	Các Trạm thuộc Chi cục Trồng trọt và BVTV	0	25	25		19	19				1	1	1	0		24	



Số TT	Loại hình, tên đơn vị	Mức độ tự chủ chi thường xuyên (%)	Số người làm việc được giao năm 2022			Số có mặt đến thời điểm 31/8/2023				Định mức theo quy định của Bộ chuyên ngành	Đề xuất tinh giản giai đoạn 2021-2026 (* phải tinh giản tối thiểu 10%)					Đề xuất giao năm 2023 (NSNN)	Ghi chú
			Tổng số	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN của đơn vị	Tổng số	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN của đơn vị	LĐHD đối với VTVL là viên chức		2023	2024	2025	2026	Đạt tỷ lệ (tối thiểu 10%)		
9,7	Các Trạm thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0	42	42		36	36				1	1	1	2		41	
9,8	Các Trạm thuộc Chi cục Thủy sản	0	40	40		26	26				0	0	1	1		40	
10	Sở Công Thương		21	21	0	38	19	19	0	0	0	0	0	0	0	21	
-	Trung tâm Khuyến công và xúc tiến thương mại	45,30%	21	21	0	38	19	19	0		0	0	0	0		21	
11	Văn phòng UBND tỉnh		15	15	0	13	13	0	0	0	0	0	0	0	0	15	
11,1	Trung tâm Công báo	NSNN	8	8	0	6	6	0	0		0	0	0	0		8	
11,2	Trung tâm Phục vụ hành chính công	NSNN	7	7	0	7	7	0	0		0	0	0	0		7	
13	Chỉ tiêu điều tiết, bổ sung		21	20	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20	
*	Cấp huyện		272	242	30	85	81	0	4	0	8	0	0	1	0	234	
1	UBND TP Nha Trang		162	139	23	27	27	0	0	0	5	0	0	0	0	134	
1,1	Đội Thanh niên xung kích	NSNN	107	107	0	7	7	0	0		5	0	0	0		102	Không phải ĐVSN
1,2	Trung tâm Phát triển quỹ đất	TCMP	17	13	4	10	10	0	0		0	0	0	0		13	
1,3	BQL Dịch vụ công ích	TCMP	38	19	19	10	10	0	0		0	0	0	0		19	
2	UBND tp Cam Ranh		38	38	0	3	3	0	0	0	3	0	0	0	0	35	
-	Đội Thanh niên xung kích	NSNN	38	38	0	3	3	0			3	0	0	0		35	Không phải ĐVSN
3	UBND tx Ninh Hòa		14	11	3	10	10	0	0	0	0	0	0	0	0	11	
-	Trung tâm Phát triển quỹ đất	TCMP	14	11	3	10	10	0			0	0	0	0		11	
4	UBND huyện Diên Khánh		7	7	0	6	6	0	0	0	0	0	0	0	0	7	
-	BQL Dịch vụ công ích	NSNN	7	7	0	6	6	0			0	0	0	0		7	
5	UBND huyện Vạn Ninh		13	9	4	10	6	0	4	0	0	0	0	1	0	9	
-	Trung tâm Phát triển quỹ đất	TCMP	13	9	4	10	6	0	4		0	0	0	1		9	
6	UBND huyện Khánh Vĩnh		22	22	0	20	20	0	0	0	0	0	0	0	0	22	
6,1	Trung tâm Phát triển quỹ đất	NSNN	8	8	0	7	7	0	0		0	0	0	0		8	
6,2	Trung tâm Bảo trợ xã hội	NSNN	10	10	0	10	10	0	0		0	0	0	0		10	
6,3	BQL công trình công cộng và MT	TCMP	4	4	0	3	3	0	0		0	0	0	0		4	
7	UBND huyện Khánh Sơn		16	16	0	9	9	0	0	0	0	0	0	0	0	16	
7,1	BQL Dịch vụ công ích	NSNN	6	6	0	4	4	0	0		0	0	0	0		6	
7,2	Trung tâm Bảo trợ xã hội	NSNN	5	5	0	4	4	0	0		0	0	0	0		5	
7,3	Trung tâm Phát triển quỹ đất	NSNN	5	5	0	1	1	0	0		0	0	0	0		5	

*** Ghi chú:**

- Cột 11: nếu có quy định về định mức của Bộ chuyên ngành thì cập nhật cụ thể quy định nào vào ô Ghi chú;
- Giai đoạn 2021-2026 phải có phương án để thực hiện tinh giản tối thiểu 10% theo chủ trương của Đảng và Nhà nước;

Số TT	Loại hình, tên đơn vị	Mức độ tự chủ chỉ thường xuyên (%)	Số người làm việc được giao năm 2022			Số có mặt đến thời điểm 31/8/2023			Định mức theo quy định của Bộ chuyên ngành	Đề xuất tinh giản giai đoạn 2021-2026 (* phải tinh giản tối thiểu 10%)					Đề xuất giao năm 2023 (NSNN)	Ghi chú
			Tổng số	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN của đơn vị	Tổng số	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN của đơn vị		LĐHD đối với VTVL là viên chức	2023	2024	2025	2026		

